

Số: 953/CT-TTHT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2016

V/v: Thuế bảo vệ môi trường

Kính gửi: Công ty TNHH Sumato
Địa chỉ: Lô 55 Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân
Mã số thuế: 0304468248

Trả lời văn thư số 02/2016 ngày 18/8/2016 của Công ty về thuế bảo vệ môi trường (BVMT), Cục thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế BVMT:

+ Tại Điều 3 quy định về người nộp thuế:

"1. Người nộp thuế bảo vệ môi trường là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Người nộp thuế bảo vệ môi trường trong một số trường hợp cụ thể được quy định như sau:

2.1. Người nhận ủy thác nhập khẩu hàng hóa là người nộp thuế bảo vệ môi trường, không phân biệt hình thức nhận ủy thác nhập khẩu và xuất giao trả hàng cho người ủy thác hay nhận ủy thác nhập khẩu.

2.2. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sản xuất, nhận gia công đồng thời nhận ủy thác bán hàng hóa vào thị trường Việt Nam là người nộp thuế bảo vệ môi trường. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận gia công nhưng không nhận ủy thác bán hàng thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân giao gia công là người nộp thuế bảo vệ môi trường khi xuất, bán hàng hóa tại Việt Nam.

2.3. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm đầu mối thu mua than khai thác nhỏ, lẻ mà không xuất trình được chứng từ chứng minh hàng hóa đã được nộp thuế bảo vệ môi trường thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp thuế".

+ Tại Điều 8 quy định về hoàn thuế:

"Người nộp thuế bảo vệ môi trường được hoàn thuế bảo vệ môi trường đã nộp trong một số trường hợp sau:

1. Hàng hóa nhập khẩu còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan được tái xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Hàng hóa nhập khẩu để giao, bán cho nước ngoài thông qua đại lý tại Việt Nam; xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật.

3. Hàng hóa tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập, tái xuất được hoàn lại số thuế bảo vệ môi trường đã nộp tương ứng với số hàng tái xuất khẩu.

4. Hàng nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu (kể cả trường hợp trả lại hàng) ra nước ngoài được hoàn lại số thuế bảo vệ môi trường đã nộp đối với số hàng tái xuất ra nước ngoài.

5. Hàng tạm nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm được hoàn lại số ~~thuế~~ thuế bảo vệ môi trường đã nộp tương ứng với số hàng hoá khi tái xuất khẩu ra nước ngoài.

Việc hoàn thuế bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều này chỉ thực hiện đối với hàng hóa thực tế xuất khẩu. Thủ tục, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với hàng xuất khẩu được thực hiện theo quy định như đối với việc giải quyết hoàn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”.

Căn cứ Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/09/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế BVMT:

+ Tại Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 quy định về đối tượng chịu thuế BVMT như sau:

“4. Túi ni lông thuộc diện chịu thuế (túi nhựa) là loại túi, bao bì nhựa mỏng có hình dạng túi (có miệng túi, có đáy túi, có thành túi và có thể đựng sản phẩm trong đó) được làm từ màng nhựa đơn HDPE (high density polyethylene resin), LDPE (Low density polyethylen) hoặc LLDPE (Linear low density polyethylen resin), trừ bao bì đóng gói sẵn hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

...”.

+ Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 quy định về đối tượng không chịu thuế:

“Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài (bao gồm cả hàng hoá xuất khẩu được gia công từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu) do cơ sở sản xuất (bao gồm cả gia công) trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu thì cơ quan hải quan không thu thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hoá xuất khẩu và nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công sau đó xuất khẩu ra nước ngoài khi nhập khẩu.

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường được tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua để xuất khẩu thì cơ sở sản xuất hàng hoá phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường khi bán hàng hoá.

Ví dụ 6: Doanh nghiệp A nhập khẩu 40 kg túi ni lông về để gia công thêm một số chi tiết như in nhãn hoặc gia công thêm để thành sản phẩm khác so với túi

ni lông ban đầu nhập khẩu, sau đó xuất khẩu thì Doanh nghiệp A không phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với 40 kg túi ni lông nêu trên khi nhập khẩu.

Ví dụ 7: Doanh nghiệp B nhập khẩu 100 kg thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng làm nguyên liệu, vật tư để sử dụng trong quá trình gia công hàng hoá xuất khẩu thì doanh nghiệp B không phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với 100 kg thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng nêu trên khi nhập khẩu.”

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BTC ngày 18/03/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoàn lại tiền thuế BVMT đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa;

1) Trường hợp Công ty sản xuất túi ni lông (có miệng túi, có đáy túi, có thành túi và có thể đựng sản phẩm trong đó) từ hạt nhựa HDPE, LLDPE, LDPE để bán cho khách hàng tại Việt Nam thì túi ni lông này thuộc đối tượng chịu thuế BVMT theo quy định.

2) Trường hợp Công ty nhận gia công túi ni lông cho khách hàng từ hạt nhựa HDPE, LLDPE, LDPE (không phân biệt nguyên liệu do Công ty tự nhập hay khách hàng cung cấp) sau đó giao trả sản phẩm cho bên giao gia công để xuất khẩu (không nhận uỷ thác bán hàng hoá vào thị trường Việt Nam) thì Công ty không thuộc đối tượng nộp thuế BVMT.

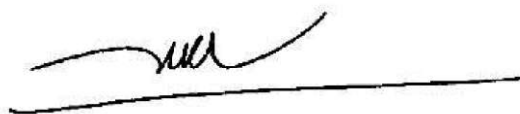
3) Trường hợp khách hàng của Công ty là người nộp thuế BVMT thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 8 Thông tư số 152/2011/TT-BTC nêu trên thì được hoàn thuế BVMT theo quy định.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. /

Nơi nhận: 

- Như trên;
 - P.PC;
 - P.KT 2;
 - Lưu (VT, TTHT).
- 1980 - 2016 N.V.Trường

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Thị Lệ Nga